

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /SGDDĐT-GDTH
Về hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra
định kì cuối kì 2 cấp tiểu học
năm học 2022-2023

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

Kính gửi:

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Đức và các quận huyện;
- Hiệu trưởng các trường nhiều cấp học (có cấp học tiểu học).

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3392/SGDDĐT-GDTH ngày 19/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về Hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 3694/GDĐT-TH ngày 24/10/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018-2019;

Căn cứ Công văn số 3863/GDĐT-TH ngày 18/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT;

Căn cứ Công văn số 4903/SGDDĐT-GDTH ngày 07/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì 2 cấp tiểu học năm học 2022-2023;

Căn cứ tình hình thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì 2 cấp tiểu học năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

1/- Mục tiêu

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.

Tuyệt đối không tạo ra áp lực kiểm tra định kì đối với học sinh, chỉ xem như một hoạt động đánh giá thông thường hằng ngày dành cho các em.

2/- Thời gian

Thời gian kiểm tra do các Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường tiểu học sắp xếp cho hợp lý, phù hợp, cân đối giữa các khối lớp theo kế hoạch năm học, linh hoạt bố trí tránh cận các ngày lễ được Nhà nước quy định trong năm hoặc các ngày có ý nghĩa khác, cần lưu ý công tác phòng, chống dịch Covid-19. Giới hạn nội dung kiểm tra định kì đến trước thời điểm kiểm tra 1 tuần.

3/- Hướng dẫn nội dung kiểm tra

3.1. Hướng dẫn chung

Thực hiện theo mục 4.1 và 4.2 công văn số 4903/SGDĐT-GDTH ngày 07/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì cấp tiểu học năm học 2022-2023;

3.2. Hướng dẫn cụ thể đối với từng môn học: Xem phụ lục đính kèm.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai đầy đủ các nội dung của văn bản này đến tất cả trường Tiểu học (kể cả các trường tư thục, trường phổ thông nhiều cấp học). Hiệu trưởng các trường tiểu học tổ chức hướng dẫn cho tất cả thành viên Hội đồng sư phạm nắm vững yêu cầu, nhiệm vụ để thực hiện nghiêm túc việc đánh giá học sinh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VP, GDTiH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Bảo Quốc

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ THEO TỪNG MÔN HỌC

(Đính kèm công văn số: /SGDDĐT-GDTH ngày tháng năm 2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1/- TIẾNG VIỆT

1.1. Về ma trận:

Căn cứ yêu cầu cần đạt (đối với lớp 1, 2 và 3) hoặc chuẩn kiến thức, kỹ năng (đối với lớp 4 và 5) để xây dựng ma trận. Ma trận được xây dựng cần có sự bàn bạc, thống nhất trong tổ, khối chuyên môn.

Thông nhất tỉ lệ điểm giữa đánh giá kỹ năng đọc thành tiếng với kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng viết kỹ thuật với kỹ năng viết đoạn văn, văn bản đối ở mỗi khối lớp:

Nội dung đánh giá		Tỉ lệ điểm		
		Lớp 1	Lớp 2 và 3	Lớp 4 và 5
Đánh giá kỹ năng đọc	<i>Đọc thành tiếng</i>	6 điểm	4 điểm	Thực hiện như các năm học trước hoặc linh hoạt điều chỉnh theo lớp 1, 2 và 3
	<i>Đọc hiểu</i>	4 điểm	6 điểm	
Đánh giá kỹ năng viết	<i>Viết chính tả</i>	6 điểm	4 điểm	
	<i>Viết đoạn văn, bài văn</i>	4 điểm	6 điểm	

Thông nhất tỉ lệ cho các mức độ câu hỏi, bài tập. Khuyến khích phân chia tỉ lệ điểm cho câu hỏi mức độ 1 là 50%, mức độ 2 là 30% và mức độ 3 là 20%.

1.2. Về nội dung:

Thiết kế đề đánh giá định kì theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh. Sử dụng văn bản ở ngoài sách giáo khoa (đối với lớp 1, 2 và 3) và khuyến khích sử dụng văn bản ở ngoài sách giáo khoa (đối với lớp 4 và 5) cho các nội dung đánh giá.

Chú trọng thiết kế câu hỏi, bài tập tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng được học vào giải quyết vấn đề; hình thức câu hỏi, bài tập đa dạng; tránh những câu hỏi, bài tập mang tính lý thuyết hoặc có đáp án không tường minh, gây tranh cãi.

1.3. Về hình thức:

Bài đánh giá định kì cần được thiết kế khoa học, trình bày hợp lý, diễn đạt trong sáng. Không tách riêng các nội dung thành nhiều bài đánh giá.

1.4. Về đáp án và biểu điểm:

Soạn chi tiết cho từng nội dung đánh giá.

Lưu ý: Nghiên cứu kỹ Tài liệu tập huấn Đổi mới đánh giá môn Tiếng Việt cấp Tiểu học (Thực hiện theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) tháng 12 năm 2022 (đã tập huấn và gửi tài liệu tới các Phòng Giáo dục và Đào tạo) để thực hiện đánh giá định kì đối với môn Tiếng Việt lớp 1, 2 và 3.

2/- TOÁN

2.1. Về ma trận:

Căn cứ vào thời lượng chương trình dành cho các mạch kiến thức ở từng khối lớp để xây dựng ma trận. Ma trận có đầy đủ các mạch kiến thức, có thể linh hoạt để lồng ghép các mạch kiến thức. Ma trận được xây dựng cần có sự bàn bạc, thống nhất trong tổ, khối chuyên môn.

Tỉ lệ giữa các mức độ nhận thức đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3: mức 1 khoảng 50%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%.

Tỉ lệ giữa các mức độ nhận thức đối với lớp 4 và lớp 5: mức 1 khoảng 40%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%, mức 4 khoảng 10%.

Khung ma trận để kiểm tra định kỳ môn Toán đối với lớp 1, 2, 3 (*riêng lớp 1 không có mạch kiến thức Một số yếu tố thống kê và xác suất*):

Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu	Hình thức		Mức			Điểm
			TN	TL	1	2	3	
Số và phép tính								
Hình học và đo lường								
Một số yếu tố thống kê và xác suất								
Hoạt động thực hành và trải nghiệm								
TỔNG ĐIỂM			3	7	5	3	2	

Khung ma trận để kiểm tra định kỳ môn Toán đối với lớp 4, 5:

Mạch kiến thức	Kiến thức, Kỹ năng	Số câu	Hình thức		Mức				Điểm
			TN	TL	1	2	3	4	
Số và phép tính									
Đại lượng và đo đại lượng									
Yếu tố Hình học									
Giải toán có lời văn									
TỔNG ĐIỂM			3	7	4	3	2	1	

Sau khi lập bảng ma trận hai chiều cần kiểm tra lại toàn bộ các thông số để đảm bảo đúng cấu trúc, đủ lượng câu hỏi, đúng tỉ lệ điểm cho các mức độ nhận thức; đảm bảo tỉ lệ giữa các mạch kiến thức; tỉ lệ giữa hai hình thức trắc nghiệm, tự luận.

2.2. Về nội dung:

Căn cứ vào ma trận đã thiết kế để xây dựng hệ thống câu hỏi, nên đa dạng hình thức câu hỏi trắc nghiệm. Các câu hỏi phải đảm bảo tính chặt chẽ, logic với câu lệnh rõ ràng, đủ

ý, tránh những câu hỏi, bài tập không rõ ràng hoặc có đáp án không tường minh, gây tranh cãi.

Đối chiếu từng nội dung kiểm tra với bảng tiêu chí quy định các mức độ nhận thức theo Thông tư 27 đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3; theo Thông tư 22 đối với lớp 4 và lớp 5 để quyết định câu hỏi ở mức độ nhận thức nào. Mỗi mức độ nhận thức phải đảm bảo phân hóa được đối tượng học sinh trong quá trình đánh giá. Tránh ra nhiều các câu hỏi quá dễ (HS nào cũng làm được) hoặc những câu hỏi quá khó (không HS nào làm được).

Các câu hỏi phải đảm bảo tính chặt chẽ, logic với câu lệnh rõ ràng.

Mỗi mức độ nhận thức phải đảm bảo phân hóa được đối tượng học sinh trong quá trình đánh giá. Tránh ra nhiều các câu hỏi quá dễ (HS nào cũng làm được) hoặc những câu hỏi quá khó (không HS nào làm được).

2.3. Về hình thức:

Hình thức kiểm tra: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận trong đó trắc nghiệm khoảng 30%, tự luận khoảng 70%.

Bài kiểm tra định kỳ cần được thiết kế khoa học, các hình ảnh được chọn lọc rõ ràng, mang tính giáo dục.

2.4. Về đáp án và biểu điểm chấm:

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết. Đối với câu tự luận, căn cứ yêu cầu cần đạt; chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra để chia nhỏ thang điểm ở từng nội dung cho thích hợp.

Thang điểm 10 là thang điểm cho toàn bài, mỗi ý hoặc câu hỏi có thể có giá trị điểm nhỏ nhất là 0,5.

3/- MÔN KHOA HỌC, LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

3.1. Về ma trận:

Nội dung kiểm tra, giáo viên cần tập trung vào kiến thức cốt lõi và yêu cầu cần đạt, không đánh đố, gây khó cho học sinh. Giáo viên xây dựng ma trận theo 4 mức độ trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

3.2. Về nội dung:

Không kiểm tra, đánh giá vào các nội dung, các yêu cầu đã được giảm tải, các bài không dạy hoặc ở bài đọc thêm trong văn bản hướng dẫn điều chỉnh (công văn 5842/BGDĐT-VP ngày 1 tháng 9 năm 2011 về việc Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông và các nội dung hướng dẫn cụ thể đối với từng môn học);

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan và toàn diện.

Giáo viên cần động viên, khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động, trò chơi Đồ em hoặc các hoạt động thư giãn có liên quan đến kiến thức Khoa, Sử Địa ...

Khuyến khích giáo viên có nhiều hình thức tổ chức cho phụ huynh học sinh tiếp cận với lớp học trong việc phối hợp giáo dục các em.

3.3. Về hình thức:

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận. Thực hiện soạn đề theo ma trận có 4 mức độ.

- Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

3.3.1. Môn Khoa học:

- + Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...)

- + Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

3.3.2. Môn Lịch sử - Địa lí:

- Phần Lịch sử (5 điểm):

- + Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

- + Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Phần Địa lí (5 điểm):

- + Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

- + Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Câu hỏi trắc nghiệm gồm cả phần Lịch sử và Địa lí có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...)

- Ở mức 4 chỉ nên sử dụng 1 câu – hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lí.

4/- MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (LỚP 3)

4.1. Về ma trận:

Căn cứ vào nội dung chương trình để xây dựng ma trận và nội dung đề kiểm tra. Giáo viên xây dựng ma trận theo 3 mức độ (đối với lớp 1, 2, 3) và 4 mức độ (đối với lớp 4, 5) trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

4.2. Về nội dung:

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em; đảm bảo công bằng, khách quan và toàn diện.

Đối với môn Tin học ở lớp 1, 2: Đây là hoạt động giáo dục theo nhu cầu, do đó việc tổ chức kiểm tra chỉ nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kỳ của học sinh. Nội dung kiểm tra xoay quanh các năng lực học sinh đã được làm quen.

Đối với môn Tin học lớp 3: Môn tin học là môn học bắt buộc trong chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 ở lớp 3 kể từ năm học 2022-2023, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kỳ của học sinh. Đề kiểm tra môn Tin học xoay quanh các nội dung học sinh được học, có liên quan đến những vấn đề thực tế, xung quanh cuộc sống của học sinh. Các bài tập thực hành mang tính vừa sức, không đánh đố.

Đối với môn Tin học ở lớp 4, 5: Đây là môn học tự chọn trong Chương trình Giáo dục Phổ thông theo Quyết định 16/2006, do đó tổ chức kiểm tra lấy điểm, kết quả kiểm tra

được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh (đối với các học sinh có đăng ký học tự chọn môn tin học). Nội dung kiểm tra bám sát kiến thức, kĩ năng học sinh được học trong học kì.

Đối với môn Công nghệ lớp 3: Đây là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Công nghệ chú trọng đến khả năng vận dụng kiến thức vào xử lí các vấn đề trong thực tế, việc sử dụng các thiết bị công nghệ hằng ngày trong đời thường của học sinh.

3.3. Về hình thức:

*. Môn Tin học

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy theo tỉ lệ:

+ Trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ:

+ Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20% (đối với lớp 1, 2, 3)

+ Mức 1: 40%, mức 2: 30%, mức 3: 20%, mức 4: 10%, (đối với lớp 4, 5)

*. Môn Công nghệ (lớp 3)

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc sản phẩm dự án theo tỉ lệ:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%.

5/- NGOẠI NGỮ 1

5.1. Về ma trận:

Xây dựng nội dung ma trận đề của từng khối lớp căn cứ vào nội dung dạy học và yêu cầu cần đạt, kiến thức, kĩ năng được quy định trong từng bộ sách giáo khoa khối lớp 1, 2 và 3 đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định và các tài liệu chính thức của khối 4 và 5; không sử dụng nội dung trong các tài liệu hoặc phần mềm hỗ trợ để xác định yêu cầu cần đạt.

Phạm vi và nội dung kiểm tra đến thời điểm kết thúc học kì 2:

- Số lượng câu hỏi môn ngoại ngữ 1 khối lớp 1, 2 và 3 theo tỉ lệ mức độ khó sau:

+ Mức 1: khoảng 50%,

+ Mức 2: khoảng 30%,

+ Mức 3: khoảng 20%.

- Số lượng câu hỏi môn ngoại ngữ 1 khối lớp 4 và 5 theo tỉ lệ mức độ khó sau:

+ Mức 1: khoảng 40%,

+ Mức 2: khoảng 30%,

+ Mức 3: khoảng 20%.

+ Mức 4: khoảng 10%.

5.2. Về nội dung:

Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình Giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 dành cho khối 1, 2 và 3 và Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT dành cho khối 4 và 5 để đưa ra yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc cấp tiểu học. Chỉ thực hiện việc kiểm tra định kỳ đối với môn Ngoại ngữ 1 ở khối lớp 3, 4 và 5; đối với khối lớp 1 và 2 là môn tự chọn nên chỉ tổ chức kiểm tra nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập học kỳ 2 của học sinh.

5.3. Về hình thức:

Kiểm tra 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Cụ thể:

- Thời lượng cho kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết là 35 phút.
- Thời lượng cho kiểm tra kỹ năng nói khoảng tối đa 3 phút/học sinh.

5.4. Về đáp án và biểu điểm chấm

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết; đặc biệt với kỹ năng nói.

Thang điểm 10 là thang điểm cho mỗi kỹ năng (có thể có điểm lẻ 0,5 cho mỗi kỹ năng). Điểm ghi vào học bạ sẽ là điểm trung bình đã làm tròn số của 4 kỹ năng trên.